

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HS-ST
Ngày: 20 - 8 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương

Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Công Luận

Ông Nguyễn Thắng Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Lý Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số: 79/2026/TLST- HS ngày 08 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Ngọc Đ - sinh năm 1991 tại tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình); nơi cư trú: Tô dân phố P, phường N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã S, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Ngọc T (sinh năm 1955) và bà Lương Thị Đ1 (sinh năm 1960); gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ 02; có vợ Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1989; có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/3/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 07 năm 03 tháng tù, đã chấp hành xong ngày 31/8/2015; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Đặng Thị Kim C (đã chết ngày 08/8/2025)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà Đặng Thị R, sinh năm 1950 (mẹ ruột)

+ Ông Phan Thế T1, sinh năm 1975 (chồng)

+ Bà Phan Thị Tường V, sinh năm 1995 (con ruột)

+ Ông Phan Quốc M, sinh năm 2000 (con ruột)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phan Quốc M, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn T, xã S, tỉnh Khánh

Hòa

Ông M Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
+ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã S, tỉnh Khánh Hòa. Bà H có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2024, Trần Ngọc Đ đặt mua trên mạng xã hội 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A2 tên Trần Ngọc Đ với giá 3.000.000 đồng nhằm mục đích sử dụng đối phó với cơ quan chức năng khi tham gia giao thông.

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 06/8/2025, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79AA-150.10 lưu thông trên đường liên thôn M (đường nhánh không ưu tiên) đi ra ngã ba giao nhau với Hương lộ C thuộc địa phận thôn M, xã S, tỉnh Khánh Hòa. Tại đoạn giao nhau có cấm biển báo "Stop" và biển báo đường giao nhau với đường ưu tiên, Đ điều khiển xe chuyển hướng sang trái theo đường chéo để đi vào Hương lộ C. Mặc dù có quan sát thấy xe mô tô gắn biển số 79D1-407.80 do Phan Quốc M điều khiển chở theo mẹ ruột là bà Đặng Thị Kim C đang lưu thông trên Hương lộ C (đường ưu tiên) cách khoảng 40 mét, nhưng Đ cho rằng khoảng cách còn xa nên không nhường đường mà tiếp tục cho xe chuyển hướng. Khi xe của Đ ra đến gần giữa đường thì xảy ra va chạm giữa phần đuôi xe bên trái của Đ và phần đầu xe mô tô do Phan Quốc M điều khiển.

Hậu quả: Bà Đặng Thị Kim C bị thương nặng, được đưa đi cấp cứu và tử vong vào lúc 03 giờ 00 phút ngày 08/8/2025. Phan Quốc M bị tổn thương cơ thể 01%. Hai xe mô tô bị hư hỏng nhẹ. Ngay sau khi xảy ra tai nạn, khi lực lượng Cảnh sát giao thông đến giải quyết hiện trường, Trần Ngọc Đ đã xuất trình Giấy phép lái xe giả mang tên Trần Ngọc Đ cho cán bộ chức năng nhằm mục đích đối phó. Tổ công tác phát hiện nghi vấn nên đã tiến hành lập biên bản tạm giữ.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số: 368/25/KLGĐTT-PYKH ngày 18/8/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh K nguyên nhân chết của bà Đặng Thị Kim C là do chấn thương sọ não.

Tại văn bản số: 93/PC08(SH) ngày 21/8/2025 của Phòng C1 Công an tỉnh K xác định: Không có dữ liệu thông tin cấp Giấy phép lái xe mô tô hạng A2 số 560248685620 mang tên Trần Ngọc Đ.

Tại Kết luận giám định số: 786/2025/KL-KTHS ngày 12/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận: Giấy phép lái xe mô tô hạng A2 số 560248685620 mang tên Trần Ngọc Đ là giả.

Tại Kết luận giám định số: 677/2025/KL-KTHS ngày 14/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận: Vận tốc trung bình của xe mô tô biển kiểm soát 79D1-407.80 xuất hiện tại thời gian 08:59:51 đến thời gian 08:59:53 trong video là 53,16km/h.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K, Trần Ngọc Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi

thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn bãi nại.

Vật chứng vụ án: 01 Giấy phép lái xe hạng A2 giả mang tên Trần Ngọc Đ và 01 USB chứa đoạn video camera an ninh ghi lại vụ tai nạn (chuyển theo hồ sơ vụ án). Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 79AA-150.10 đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị Kim H; 01 xe mô tô gắn biển số 79D1- 407.80 đang tiếp tục tạm giữ tại Công an xã S.

Về trách nhiệm dân sự, Trần Ngọc Đ đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 25.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại. Ông Phan Quốc M không yêu cầu bồi thường dân sự và đã có đơn bãi nại.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKSKV3 ngày 02/07/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa truy tố bị cáo Trần Ngọc Đ về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Ngọc Đ về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đ từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và xử phạt bị cáo Đ từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện của bị hại không yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình điều tra ông Phan Quốc M có đơn bãi nại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: 01 Giấy phép lái xe hạng A2 giả mang tên Trần Ngọc Đ đề nghị tiêu hủy; 01 USB chứa đoạn video camera an ninh ghi lại vụ tai nạn đề nghị lưu hồ sơ vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Khánh Hòa đã trả lại cho chủ sở hữu 01 xe mô tô biển kiểm soát 79AA - 150.10 và 01 xe mô tô gắn biển kiểm soát 79D1 - 407.80, Công an xã S tiếp tục tạm giữ để điều tra làm rõ nguồn gốc chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc Đ đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu

vực 3 - Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, những người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Đặng Thị R, ông Phan Thế T1, bà Phan Thị Tường V, ông Phan Quốc M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Quốc M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; xét việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận giám định, tài liệu thu thập từ camera giám sát và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ ngày 06/8/2025, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79AA-150.10 từ đường liên thôn M là đường nhánh, không ưu tiên đi ra Hương lộ C là đường ưu tiên. Tại nơi giao nhau có biển báo “STOP” và biển báo giao nhau với đường ưu tiên. Mặc dù đã quan sát thấy xe mô tô biển kiểm soát 79D1-407.80 do Phan Quốc M điều khiển chở bà Đặng Thị Kim C đang lưu thông trên đường ưu tiên, bị cáo vẫn chủ quan cho rằng khoảng cách còn xa, không dừng xe và không nhường đường mà tiếp tục chuyển hướng sang trái. Hành vi này vi phạm quy tắc nhường đường tại nơi đường giao nhau; là nguyên nhân trực tiếp gây va chạm, làm bà Đặng Thị Kim C bị chấn thương sọ não và tử vong, ông Phan Quốc M bị tổn thương cơ thể 01%.

Bị cáo điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe hợp pháp theo quy định. Sau khi tai nạn xảy ra, khi lực lượng Cảnh sát giao thông kiểm tra, bị cáo xuất trình giấy phép lái xe mô tô hạng A2 số 560248685620 mang tên Trần Ngọc Đ. Kết quả xác minh của Phòng C1 Công an tỉnh K xác định không có dữ liệu cấp giấy phép lái xe này. Kết luận giám định số: 786/2025/KL-KTHS ngày 12/12/2025 xác định giấy phép lái xe là giả. Bị cáo biết giấy phép lái xe do mình đặt mua qua mạng không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng vẫn chủ động xuất trình cho lực lượng chức năng nhằm đối phó với việc kiểm tra. Hành vi này là hành vi độc lập, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước.

Do đó, bản cáo trạng số: 30/CT-VKSKV3 ngày 02/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa đã truy tố đối với bị cáo Trần Ngọc Đ là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật; đủ cơ sở để kết luận bị cáo Đ đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự

[4] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Đối với tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi vô ý do chủ quan, không tuân thủ quy tắc nhường đường tại nơi đường giao nhau mặc dù đã quan sát thấy phương tiện đang lưu thông trên đường ưu tiên, dẫn đến hậu quả làm một người tử vong. Hành vi của bị cáo xâm phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tính mạng của người khác nên cần xử lý nghiêm.

Đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Việc sử dụng giấy phép lái xe giả sau khi tai nạn xảy ra nhằm đối phó với việc kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước và hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong quản lý giấy tờ, tài liệu. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại; những người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận tiền, không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đối với tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Xét bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế không ổn định nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với Phan Quốc M, mặc dù điều khiển xe khi không có giấy phép lái xe và dương tính với ma túy nhưng kết quả điều tra xác định ông M lưu thông trên đường ưu tiên, đúng tốc độ cho phép và có thao tác đạp giảm tốc độ trước va chạm. Tai nạn xảy ra hoàn toàn do Trần Ngọc Đ từ đường nhánh đi ra nhưng không nhường đường. Do đó, hành vi điều khiển phương tiện khi không có giấy phép lái xe và trong cơ thể có chất ma túy của Phan Quốc M không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vụ tai nạn nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Phan Quốc M là phù hợp. Ông M đã bãi nại và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đối với bà Nguyễn Thị Kim H: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện bà H không biết Trần Ngọc Đ sử dụng giấy phép lái xe giả. Hồ sơ vụ án không đủ căn cứ xác

định bà H biết rõ Đ không đủ điều kiện điều khiển phương tiện mà vẫn giao xe cho Đ. Vì vậy, không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà H.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại 25.000.000 đồng; những người đại diện hợp pháp của bị hại xác nhận đã nhận đủ số tiền này và không yêu cầu bồi thường thêm. Ông Phan Quốc M cũng không yêu cầu bồi thường. Do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A2 giả mang tên Trần Ngọc Đ là vật chứng trực tiếp liên quan đến hành vi phạm tội, cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án. Đối với 01 USB chứa dữ liệu camera ghi lại diễn biến vụ tai nạn là nguồn chứng cứ của vụ án, cần lưu trong hồ sơ. Xe mô tô biển kiểm soát 79AA-150.10 đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét. Xe mô tô biển kiểm soát 79D1-407.80 đang được Công an xã S tiếp tục xác minh nguồn gốc, chủ sở hữu để xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 292, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 22 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Đ 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Ngọc Đ chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A2 giả mang tên Trần Ngọc Đ; 01 USB chứa dữ liệu camera ghi lại diễn biến vụ tai nạn.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 3 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Công an xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Tuyết Sương

